ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2787/QĐ-CVCX	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật
Dự toán mua sắm: Đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 - 2027
Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, Luật sửa đổi số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ hoạt động và tổ chức của Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM được ban hành kèm Quyết định số 56/QĐ-HĐTV ngày 05/01/2024;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-HĐTV ngày 06/5/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 2697/QĐ-HĐTV ngày 05/11/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM về thông qua chủ trương mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 2780/NQ-HĐTV ngày 16/11/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM về việc thông qua báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 - 2027.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự toán mua sắm: Đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 -2027 tại Tờ trình số 601/TTr-KD ngày 17/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật về việc đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 - 2027 như hồ sơ đính kèm, với nội dung chính sau:

1. Tên dự toán: Đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 - 2027.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP. HCM.

3. Đơn vị lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Phòng Kinh doanh.

4. Mục tiêu đầu tư: Thay thế các xe sắp hết hạn sử dụng. Đáp ứng khối lượng công việc và yêu cầu ngày càng cao của Chủ đầu tư, đặc biệt là nhu cầu chăm sóc cây loại 3. Giúp Công ty có đủ cơ sở vật chất để hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, kinh tế được giao.

5. Tổng mức đầu tư: **17.598.284.760 đồng** *(bằng chữ: Mười bảy tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng)*.

Trong đó:

- Giai đoạn 1 (Quý IV năm 2026 – Quý I năm 2027 đầu tư mua sắm 02 xe bồn tưới ≥ 15m3): 3.791.497.080 đồng.

- Giai đoạn 2 *(*Quý I – II năm 2027 đầu tư mua sắm 02 xe ép rác 24 tấn): 6.464.556.000 đồng.

- Giai đoạn 3 *(*Quý II – III năm 2027 đầu tư mua sắm 01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m): 7.341.888.600 đồng.

6. Nguồn vốn: Nguồn vốn kinh doanh của Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP. HCM.

7. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2027.

Điều 2. Phòng Kinh doanh có trách nhiệm tiến hành tổ chức thực hiện các công việc tiếp theo của dự toán.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng nghiệp vụ và các bộ phân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- HĐTV, KSV;
- Các PGĐ Công ty, KTT;
- Lưu: VT, KD.LV.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300426575 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG VIÊN CÂY XANH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thành Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG VIÊN CÂY XANH TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(Đính kèm Quyết định số 2787/QĐ-CVCX ngày 17/11/2026)

Dự toán mua sắm: Đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 -2027

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM

PHẦN A. THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT:

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, Luật sửa đổi số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ hoạt động và tổ chức của Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM được ban hành kèm Quyết định số 56/QĐ-HĐTV ngày 05/01/2024;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-HĐTV ngày 06/5/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu trong hoạt động mua sắm của Công ty;

Căn cứ nội dung thống nhất cuộc họp ngày 26/10/2026 của Ban Giám đốc Công ty về Báo cáo kinh tế kỹ thuật về dự toán mua sắm Đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 2697/QĐ-HĐTV ngày 05/11/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM về thông qua chủ trương mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 2780/NQ-HĐTV ngày 16/11/2026 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM về việc thông qua báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 -2027;

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ TOÁN MUA SẮM

1. Tên dự toán mua sắm: Đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM.

3. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: **17.598.284.760 đồng** *(bằng chữ: Mười bảy tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).*

5. Hình thức đầu tư: Đầu tư mua mới.

6. Quy mô đầu tư: 02 xe bồn tưới ≥ 15m3; 02 xe ép rác 24 tấn; 01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m.

7. Thời gian thực hiện: năm 2026 – 2027.

8. Nhà thầu lập BCKTKT: Công ty tự thực hiện.

9. Hình thức quản lý dự án: Sử dụng bộ máy chuyên môn của Công ty.

10. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh theo Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty và Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

III. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ:

1. Nhiệm vụ:

Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh TP.HCM chuyên hoạt động trong lĩnh vực công viên cây xanh, mảng xanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh góp phần cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích tốt nhất đến người dân Thành phố; sẵn sàng mở rộng, tìm kiếm thêm thị trường và khách hàng để tăng khối lượng công việc trên khắp các xã, phường, đặc khu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (mới) và các tỉnh thành khác trên cả nước. Song song đó, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Thành phố giao như: công tác tổ chức các lễ hội sự kiện hàng năm, công tác tổ chức Chợ hoa, Hội hoa xuân mỗi khi Tết đến xuân về, công tác thi công Đường hoa Tết, công tác phòng chống bão của Thành phố và các tỉnh thành trên cả nước khi có chỉ đạo của Thành uỷ, Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sự cần thiết phải đầu tư:

2.1. Đánh giá hiện trạng các phương tiện hiện có của Công ty

a) Bảng tổng hợp số lượng, hiện trạng phương tiện

Stt	Biển số	Thương hiệu	Loại phương tiện	Năm hết niên hạn	Ghi chú
I	**Xe nâng người làm việc trên cao**				
1	51E - 02523	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2028	Thường xuyên hư hỏng
2	51C - 05800	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2028	Thỉnh thoảng hư hỏng
3	51E - 02519	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2028	Thỉnh thoảng hư hỏng
4	51E - 02518	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2029	Thỉnh thoảng hư hỏng

5	51E - 02522	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2029	Thỉnh thoảng hư hỏng
6	51E - 02501	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2029	Thường xuyên hư hỏng
7	51D - 68633	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2046	Hoạt động bình thường
8	51D - 74354	HINO	tải gắn cẩu thang 12m	2047	Hoạt động bình thường
9	51E - 02520	SOOSAN	thang 14m	Không hạn	Hoạt động bình thường
10	51D - 49122	ISUZU	tải gắn cẩu thang 18m	2043	Hoạt động bình thường
11	51D - 49286	ISUZU	tải gắn cẩu thang 18m	2043	Hoạt động bình thường
12	51D - 49352	ISUZU	tải gắn cẩu thang 18m	2043	Hoạt động bình thường
13	51D - 87118	ISUZU	tải gắn cẩu thang 21m	2049	Hoạt động bình thường
14	51E - 02488	KAMAZ	tải gắn cẩu thang 24m	2029	Thỉnh thoảng hư hỏng
15	51E - 02549	KAMAZ	tải gắn cẩu thang 24m	2029	Thỉnh thoảng hư hỏng
16	51C - 05799	KAMAZ	tải gắn cẩu thang 24m	2034	Hoạt động bình thường
17	51C-50593	UD	Xe thang 30m	2051	Hoạt động bình thường
18			Thang 40m	Không hạn	Đang thuê
II	**Xe bồn tưới**				
19	51E - 02487	HINO	bồn chuyên dùng 5m^3	2028	Thỉnh thoảng hư hỏng
20	51E - 02481	HINO	bồn chuyên dùng 5m^3	2028	Thường xuyên hư hỏng
21	51E - 02528	HINO	bồn chuyên dùng 5m^3	2028	Thỉnh thoảng hư hỏng
22	51E - 02482	HINO	bồn chuyên dùng 5m^3	2028	Thỉnh thoảng hư hỏng
23	51E - 02529	HINO	bồn chuyên dùng 8m^3	2028	Thường xuyên hư hỏng
24	51E - 02486	HINO	bồn chuyên dùng 8m^3	2028	Thường xuyên hư hỏng
25	51C - 25968	ISUZU	bồn chuyên dùng 8m^3	2049	Hoạt động bình thường
26	51E - 01884	HINO	bồn chuyên dùng 14m^3	2035	Hoạt động bình thường
27	51E - 01883	HINO	bồn chuyên dùng 14m^3	2035	Hoạt động bình thường
28	51D - 66784	ISUZU	bồn chuyên dùng 15m^3	2045	Hoạt động bình thường
29	51D - 74641	ISUZU	bồn chuyên dùng 15m^3	2047	Hoạt động bình thường
III	**Xe ép rác**				
30	51E - 02524	HINO	ép rác chuyên dùng	2030	Thỉnh thoảng hư hỏng
31	51E - 02498	HINO	ép rác chuyên dùng	2030	Thỉnh thoảng hư hỏng
32	51C - 76005	HINO	ép rác chuyên dùng	2040	Hoạt động bình thường
33	51C - 83510	HINO	ép rác chuyên dùng	2040	Hoạt động bình thường
34	51D - 67545	ISUZU	ép rác chuyên dùng	2045	Hoạt động bình thường
35	51D - 67820	ISUZU	ép rác chuyên dùng	2045	Hoạt động bình thường
36	51C - 50546	ISUZU	ép rác chuyên dùng	2049	Hoạt động bình thường
37	51D - 87491	ISUZU	ép rác chuyên dùng	2049	Hoạt động bình thường
IV	**Xe tải gắn cẩu gắp**				
38	51E - 02499	HINO	tải gắn cẩu gấp	2028	Thường xuyên hư hỏng
39	51E - 02526	HINO	tải gắn cẩu gấp	2028	Thỉnh thoảng hư hỏng
40	51E - 02521	HINO	tải gắn cẩu gấp	2029	Thỉnh thoảng hư hỏng
V	**Xe tải**				
41	51C - 05398	KIA	tải	2029	Thỉnh thoảng hư hỏng
42	51C - 06222	KIA	tải	2029	Thỉnh thoảng hư hỏng
43	51C - 25170	VEAM	tải	2037	Hoạt động bình thường
44	51C - 50400	THACO	tải	2039	Thỉnh thoảng hư hỏng
45	51C - 50771	THACO	tải	2039	Hoạt động bình thường
VI	**Xe tải thùng**				
46	51D - 91663	HYUNDAI	tải thùng	2048	Hoạt động bình thường
47	51D - 87415	HYUNDAI	tải thùng	2048	Hoạt động bình thường
48	51D - 87063	HYUNDAI	tải thùng	2048	Hoạt động bình thường
49	51C - 25094	HYUNDAI	tải thùng	2050	Hoạt động bình thường

VII	**Xe tải tự đổ**				
50	51C - 25802	VEAM	tải tự đổ	2037	Hoạt động bình thường
51	51D - 66401	HUYNDAI	tải tự đổ	2044	Hoạt động bình thường

**** Phân tích hiện trạng xe:***

Tổng số phương tiện: 50 xe

Xe hết niên hạn năm 2028: 11 xe chiếm tỷ lệ 22,45%

Xe hết niên hạn năm 2029: 8 xe chiếm tỷ lệ 16,33%

Xe có tình trạng hư hỏng thường xuyên 8 xe chiếm tỷ lệ 16,337%

Xe thỉnh thoảng hư hỏng 18 xe chiếm tỷ lệ: 36,73%

Trong giai đoạn 2028–2029, có gần 40% tổng số xe sẽ đến hạn thay thế, chủ yếu là xe thang 12m, xe bồn nhỏ dung tích thấp chưa đáp ứng yêu cầu thực tế hiện nay.

b) Công tác bố trí xe:

****Xí nghiệp Công viên Cây xanh 1***

Stt	Biển kiểm soát	Loại phương tiện	Thời gian hoạt động	Nhiệm vụ	Lộ trình hoạt động	Đánh giá hiệu quả hoạt động
I. Nhóm xe ép rác/vận chuyển rác						
1	51D – 50546	Xe ép rác chuyên dùng (11 tấn)	Ca sáng	Ép lá cây	Xe ép rác cây xanh theo lộ trình kế hoạch của đơn vị	Không đủ công suất gom rác cây xanh thuộc gói thầu Khu vực 1
2	51D – 67545	Xe ép rác chuyên dùng (11 tấn)	Ca sáng	Ép lá cây	Xe ép rác cây xanh theo lộ trình kế hoạch của đơn vị	
4	51D – 67820	Xe ép rác chuyên dùng (10T)	Ca sáng	Chở rác sinh hoạt tại các công viên		Xe ép rác chính chạy tuyến Tổ QLX - Hoàng Sa - Trường Sa - Tao Đàn - CV 23/9 - CV 30/4 - Bến Vân Đồn - Võ Văn Kiệt (CV Nguyễn Tri Phương, nhận rác từ xe 51C – 50400 Thiếu xe ép rác (Không đạt công suất thu gôm trên tuyến Hoàng Sa - Trường Sa)
II. Nhóm xe tưới						
5	51D – 66784	Xe bồn chuyên dùng 15m^3	Ca sáng, Ca tối	Tưới cây	Võ Văn Kiệt	Hiệu suất tưới tại tuyến Võ Văn Kiệt chỉ đạt 67% lượng

Stt	Biển kiểm soát	Loại phương tiện	Thời gian hoạt động	Nhiệm vụ	Lộ trình hoạt động	Đánh giá hiệu quả hoạt động
6	51E – 01884	Xe bồn chuyên dùng 15m^3	Ca sáng, Ca tối	Tưới cây	Võ Văn Kiệt	nước cần tưới
7	51C – 25968	Xe bồn chuyên dùng 8m^3	Ca sáng	Tưới cây	Võ Văn Kiệt - Bến Vân Đồn	
8	51E – 02481	Xe bồn chuyên dùng 5m^3	Ca sáng	Tưới cây	Địa bàn Quận 1, Quận 3 cũ	Đáp ứng đủ 8 chuyến/ngày
9	51E – 02528	Xe bồn chuyên dùng 5m^3	Ca tối	Tưới cây	Điện Biên Phủ - Nguyễn Thị Minh khai - Phạm Ngọc Thạch - Nguyễn Siêu - Nguyễn Du - Lý Tự Trọng - Cách Mạng Tháng 8 - Đài Truyền hình Thành phố - SVĐ Hoa Lư - Phùng Khắc Khoan - Bệnh viện Từ Dũ - Tú Xương	
III. Nhóm xe thang						
10	51D – 68633	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
11	51D – 74354	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
12	51E – 02518	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
13	51D – 49122	Xe thang 18m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
14	51E – 02549	Xe thang 24m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
15	51M – 88157	Xe thang 43m	Ca sáng	Mé cây	Luân chuyển giữa Khu vực 1 và Khu vực 2	
IV. Nhóm xe chở vật tư, CCDC						
16	51C – 50400	Xe tải thùng (1,4 tấn)	Ca sáng	Chở rác	Xe trung chuyển gom rác dọc tuyến Võ Văn Kiệt về công viên NTP (sau đó xe 51D – 67820 sẽ gom lại)	Xe nhỏ, chở được khối lượng ít giảm tải cho xe ép rác lớn 51D – 67820

Stt	Biển kiểm soát	Loại phương tiện	Thời gian hoạt động	Nhiệm vụ	Lộ trình hoạt động	Đánh giá hiệu quả hoạt động
17	51D – 87063	Xe tải thùng (1,4T)	Ca sáng	Chở rác	Xe trung chuyển lấy rác vòng xoay Quách Thị Trang, NBK, ĐBP, CV Nguyễn Huệ, CV Lam Sơn mang về CV 23/9 cho xe 51D – 67820 gom	
18	51D – 66401	Xe tải tự đổ (1,2T)	Ca sáng	Chở xà bần	Chở xà bần Đền Hùng, Hoàng Sa - Trường Sa, gom xà bần theo yêu cầu đơn vị	Xe nhỏ, dùng hết công suất xe
19	51D – 91663	Xe tải thùng (1,4T)	Ca sáng	Chở rác	Cộng Hòa - Trường Chinh - Hoàng Sa – Trường Sa - Trường Sơn	
20	51E - 02526	Xe cẩu gắp	Ca sáng	Chở vật tư	Khu vực 1	Xe có thang nâng người

Xí nghiệp Công viên Cây xanh 2

Stt	Biển kiểm soát	Loại phương tiện	Thời gian hoạt động	Nhiệm vụ	Lộ trình hoạt động	Đánh giá hiệu quả hoạt động
I. Nhóm xe ép rác/vận chuyển rác						
1	51E – 02521	Xe tải gắn cẩu gắp 5T	Ca sáng	Ép lá cây xanh	Xe ép rác cây xanh theo lộ trình kế hoạch của đơn vị	
2	51C – 83510	Xe ép rác chuyên dùng 24T	Ca sáng	Ép lá cây xanh	Xe ép rác cây xanh theo lộ trình kế hoạch của đơn vị	
3	51E – 02524	Xe ép rác chuyên dùng 11T	Ca sáng	Ép rác sinh hoạt	Bình Lợi - Bình Triệu - CV Tầm Vu - CV Thanh Đa - CV 1.4 - Nguyễn Hữu Cảnh - Điện Biên Phủ - Hồ Con Rùa - Nam Kỳ Khởi Nghĩa – CV Gia Định B, C, D	Đề xuất thêm người lái xe và ép rác ca đêm
II. Nhóm xe bồn tưới						
4	51D – 74641	Xe bồn chuyên dùng 15m^3	Ca sáng	Tưới cây	Nguyễn Hữu Cảnh - Điện Biên Phủ	Đáp ứng đủ 7 chuyến/ngày
5	51E – 02486	Xe bồn chuyên	Ca	Tưới	Nam Kỳ khởi Nghĩa - Phùng Khắc Khoan -	Đáp ứng đủ 6

Stt	Biển kiểm soát	Loại phương tiện	Thời gian hoạt động	Nhiệm vụ	Lộ trình hoạt động	Đánh giá hiệu quả hoạt động
		dùng $8m^3$	sáng	cây	Phan Đình Giót	chuyến/ngày
6	51E – 02482	Xe bồn chuyên dùng $5m^3$	Ca sáng	Tưới cây	Công viên Phần Mềm Quang Trung, cầu Rạch Tra	Đáp ứng đủ 6 chuyến/ngày
III. Nhóm xe thang cẩu						
7	51E – 02519	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
8	51C – 05800	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
9	51D – 49286	Xe thang 18m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
10	51D – 49352	Xe thang 18m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
11	51C – 05799	Xe thang 24m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
12	51C – 50393	Xe thang 30m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
IV. Nhóm xe chở vật tư, CCDC						
13	51C – 25094	Xe tải thùng	Ca sáng	Chở vật tư và tưới	Khu vực dạ cầu Bến Vân Đồn	Thùng cao phù hợp trung chuyển rác
14	51C – 06222	Xe tải 1,4T	Ca sáng		Chở đất cát đá, xi măng …phục vụ cho cây mới trồng	**Thùng thấp không phù hợp chở rác**
15	51C – 25802	Xe ben 1,4T	Ca sáng			Thùng thấp không phù hợp chở rác

**** Xí nghiệp Công viên Cây xanh 3:***

Stt	Biển kiểm soát	Loại phương tiện	Thời gian hoạt động	Nhiệm vụ	Lộ trình hoạt động	Đánh giá hiệu quả hoạt động
I. Nhóm xe ép rác/vận chuyển rác						
1	51C – 76005	Xe ép rác chuyên dùng 24T	Ca sáng	Ép lá cây	Xe ép rác cây xanh theo lộ trình kế hoạch của đơn vị	
2	51D – 87491	Xe ép rác chuyên dùng 11T	Ca sáng	Ép lá cây	Xe ép rác cây xanh theo lộ trình kế hoạch của đơn vị	
3	51E – 02498	Xe ép rác chuyên dùng	Ca sáng	Ép rác sinh	Quốc lộ 22 - Phạm Văn Đồng - Công viên Gia	Địa bàn gom rác rộng, phương tiện

Stt	Biển kiểm soát	Loại phương tiện	Thời gian hoạt động	Nhiệm vụ	Lộ trình hoạt động	Đánh giá hiệu quả hoạt động
		11T		hoạt	Định A - Công viên Văn Hóa Gò Vấp (nhận rác từ xe trung chuyển 51C – 50771)	không đáp ứng yêu cầu
4	51C – 50771	Xe tải	Ca sáng	Trung chuyển rác	Trung chuyển rác từ đầu Phạm Văn Đồng - cầu Bình Triệu tập kết về công viên Gia Định A giao cho xe 51E – 02498	Thùng cao phù hợp trung chuyển rác
II. Nhóm xe bồn tưới						
5	51E – 01883	Xe bồn chuyên dùng 14m^3	Ca sáng, ca tối	Tưới cây	Xe đậu ở Củ Chi, tưới tuyến Quốc Lộ 22	Đáp ứng đủ 13 chuyến/ngày (Hiện có khó khăn về chi phí chổ đậu xe)
6	51E – 02529	Xe bồn chuyên dùng 8m^3	Ca sáng	Tưới cây	Tưới Phạm Văn Đồng	Đáp ứng đủ 7 chuyến/ngày
7	51E – 02487	Xe bồn chuyên dùng 5m^3	Ca tối	Tưới cây	Tưới cây mới trồng, chạy lấy nước ở Chế Lan Viên	Đáp ứng đủ
III. Nhóm xe thang cẩu						
8	51E – 02522	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
9	51E – 02523	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
10	51D – 87118	Xe thang 21m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
11	51E – 02488	Xe thang 24m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
12	51E – 02520	Xe thang 14m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
13	51E – 02501	Xe thang 12m	Ca sáng	Mé cây	Toàn khu vực theo kế hoạch của đơn vị	
IV. Nhóm xe chở vật tư, CCDC						
14	51D – 87415	Xe tải thùng	Ca sáng	Vận chuyển vật tư	Chở vật tư cho CMT, cát, đất, đá xi măng…	
15	51E – 02499	Xe cẩu gắp	Ca sáng	Chở vật tư		Xe không có thang nâng người

2.2. Phân tích những thuận lợi và khó khăn do thiếu phương tiện

2.2.1. Thuận lợi:

Lực lượng tài xế nòng cốt có thâm niên kinh nghiệm, thuần thục công việc, phối hợp tốt với các đơn vị

Hiện nay, Công ty đang thuê xe thang 43m đảm bảo phục vụ công tác với những ưu điểm như sau (phương tiện này cùng thông số phương tiện Công ty đang đề xuất đầu tư mua mới):

Tiêu chí so sánh	**Xe thang thông thường (12m - 24m)**	**Xe nâng người chuyên dụng 43m**
Khả năng tiếp cận độ cao	Không tiếp cận trực tiếp được các nhánh khô ở độ cao trên 30m.	Tiếp cận trực tiếp và dễ dàng các nhánh khô, cành vươn của cây Dầu loại 3 cổ thụ (cao trên 30m - 43m).
Năng suất lao động	Chỉ xử lý được 01 cây cho mỗi lần đưa thang. Nhân công phải tốn thời gian leo bộ từ sàn thang ra nhánh cây để thao tác.	Có thể thao tác mé nhánh lần lượt 02 cây liền kề nhau trong 01 lần đưa thang nhờ bán kính cần rộng.
An toàn	Công nhân thao tác trên cao khó tương tác, phải leo bộ từ sàn thang ra nhánh cây để thao tác, dễ xảy ra mất an toàn.	Người điều khiển và nhân công trên sàn thang giao tiếp bằng bộ đàm, thuận tiện đưa người đến vị trí thao tác công nhân không phải leo trèo, gây mất an toàn.
Ảnh hưởng giao thông	Thời gian đậu xe lâu, chiếm dụng diện tích mặt đường lớn gây ùn tắc tại các tuyến đường trung tâm.	Thời gian thao tác nhanh, linh hoạt ra chân chống tùy thuộc vào địa hình thực tế, không gây cản trở giao thông kể cả trên đường nhỏ (Nguyễn Đình Chiểu, Lý Tự Trọng, Sương Nguyệt Ánh...).

Hiệu quả kinh tế nội bộ (Tối ưu hóa chi phí):

- Nhờ khả năng cắt tỉa 02 cây cùng lúc trong 1 lần đưa cần và rút ngắn thời gian chuẩn bị bãi đỗ/ra chân chống, xe 43m giúp tăng năng suất lao động lên gấp 1,5 đến 2 lần so với việc dùng xe thang nhỏ phối hợp thủ công.

- Việc này giúp giảm số ngày công bám đường, giảm thiểu tối đa chi phí ca kíp, chi phí điều phối giao thông đường bộ và các rủi ro đền bù tai nạn lao động trên cao.

Tần suất khai thác tối đa:

Khác với hình thức thuê xe theo ca lẻ (chi phí phát sinh rất cao khi có sự cố đột xuất hoặc thời tiết xấu không thể thi công), hình thức thuê khoán theo tháng giúp Xí

nghiệp Cây xanh hoàn toàn chủ động điều động phương tiện 24/7, ứng trực xử lý sự cố cây xanh gãy đổ bất kể ngày đêm trong suốt mùa mưa bão mà không phát sinh thêm chi phí thuê phát sinh.

Về quản lý:

Lực lượng tài xế nòng cốt có thâm niên kinh nghiệm, thuần thục công việc, phối hợp tốt với các đơn vị và có khả năng hướng dẫn tài xế mới.

Trong việc xử lý khó khăn về vận hành, phần lớn tài xế đều sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ vào ban đêm, làm thêm giờ, ứng phó nhanh trong các tình huống khẩn cấp.

Công tác duy tu, chăm sóc cây xanh đô thị tại một địa bàn đặc thù như Thành phố Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi khả năng ứng phó linh hoạt. Việc tập trung toàn bộ phương tiện và đội ngũ tài xế về một mối quản lý mang lại hiệu quả cao trong việc tập trung sức mạnh tổng lực và tốc độ phản ứng xử lý sự cố trên địa bàn.

Mô hình quản lý tập trung mới cho phép điều động nhanh, phối hợp với đơn vị một cách nhanh chóng và kịp thời các loại phương tiện như: xe ép rác, xe cẩu, xe bồn về hiện trường trong thời gian ngắn nhất, đủ sức giải quyết dứt điểm các sự cố. Ví dụ, công trình tăng cường hoa dịp lễ Quốc khánh 02/9 vừa qua, Tổ quản lý xe tập trung toàn bộ phương tiện vận tải hoàn thành và đáp ứng tiến độ kịp thời công ty giao phó.

Ngoài ra, việc tập trung nhân lực và phương tiện sẽ phát huy sức mạnh tập thể, người lao động lái xe chủ động trong việc tự giác học tập, nâng cao tay nghề trong công tác vận hành phương tiện và hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ. Khi người lao động lái xe quy tụ về một mối, chúng ta hình thành nên một môi trường tốt nhất trong vấn đề đào tạo nhân sự, truyền kinh nghiệm và học tập lẫn nhau từ tay nghề vận hành cho đến xử lý tình huống trên đường.

2.2.2. Khó khăn:

****Khó khăn chung:***

Về thời gian hoạt động: Do xe chỉ được lưu thông từ 9 giờ đến 16 giờ và từ 21 giờ đến 6 giờ, nên thời gian xe có mặt tại hiện trường khá ngắn, sau 9 giờ xe mới ra hiện trường, sau đó phải gom rác cây xanh lên Đông Thạnh rồi quay về tổ xe.

Xe lâu năm, hư hỏng thường xuyên, phải mất thời gian và chi phí sửa chữa.

Một số tuyến đường, vị trí … xe lớn không tiếp cận được phải dùng thêm xe nhỏ.

Hoạt động một số xe bị quá tải.

****Tình trạng phương tiện cũ, sắp hết niên hạn, hư hỏng thường xuyên:***

Tổng số phương tiện hiện có: 51 chiếc, trong đó có 11 xe hết niên hạn năm 2028 (chiếm 21,6%) và 8 xe hết niên hạn năm 2029 (chiếm 15,7%). Như vậy, trong vòng 02 năm tới sẽ có gần 40% tổng số xe đến hạn thay thế, chủ yếu là xe thang 12m, xe bồn nhỏ dung tích thấp, các loại xe không đáp ứng yêu cầu thực tế.

Hiện tại có 26 xe vận hành không ổn định (chiếm 51%): trong đó 08 xe thường xuyên hư hỏng, 18 xe thỉnh thoảng hư hỏng. Tình trạng này gây gián đoạn tiến độ, giảm năng suất làm việc, phát sinh chi phí sửa chữa, thuê xe ngoài thay thế.

Khó khăn về nguồn cung cấp nước tưới chưa được giải quyết:

Hiện tại tuyến đường Võ Văn Kiệt không được lấy nước tại công viên Nguyễn Tri Phương và An Dương Vương, nên chỉ còn điểm công viên Tao Đàn phục vụ đồng thời cả gói thầu Khu vực 1 và Khu vực 2.

Với tầng xuất hoạt động tối đa, lượng nước cung cấp tại tuyến Võ Văn Kiệt chỉ đạt 354 m^3/ngày, bằng 67% định mức yêu cầu. Vào mùa nắng, nhu cầu nước tăng cao, hiện trạng này sẽ ngày càng trầm trọng hơn, không đáp ứng đủ, ảnh hưởng trực tiếp đến mảng xanh. Quãng đường di chuyển xa, thời gian chờ lấy nước kéo dài làm giảm số chuyến tưới mỗi ngày, tăng chi phí nhiên liệu và vận hành.

Lộ trình thu gom rác nghiêm ngặt, không được luân chuyển giữa các gói thầu:

Lộ trình thu gom rác được đăng ký cố định theo từng gói thầu, không được chuyển giao hoặc thu gom trên địa bàn lân cận, không tận dụng được năng lực phương tiện. Các công trình dịch vụ khác như Khu Công nghệ cao, Phần mềm Quang Trung, Công viên Lịch sử Văn hóa – Dân tộc, các tuyến phường quản lý… cần phương tiện riêng xử lý.

Số lượng xe ép rác hiện có không đủ đáp ứng khối lượng, phải tăng ca, để rác tồn đọng trên đường phố, ảnh hưởng mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị.

Khó khăn đối với từng nhóm xe

Nhóm xe ép rác:

Hiện nay, công ty đang thực hiện công tác duy tu, chăm sóc cây xanh trên các địa bàn:

- Gói thầu Khu vực 1: 19.010 cây xanh
- Gói thầu Khu vực 2: 26.266 cây xanh
- Gói thầu Khu vực 4: 25.899 cây xanh

Các gói thầu khác như: các phường trên địa bàn quận Gò Vấp (cũ), các công viên nay thuộc phường quản lý (công viên Phạm Văn Chí, kênh Tân Hóa, Lò Gốm, công viên Lê Văn Tám), công viên Phần Mềm Quang Trung, Khu Công Nghệ Cao,… cũng cần phương tiện ép rác phục vụ công tác dọn dẹp vệ sinh hằng ngày.

Ngoài ra, Công ty vừa được giao thêm nhiệm vụ duy tu, chăm sóc cây xanh và mảng xanh làm khối lượng công việc ngày càng tăng. Số lượng xe ép rác hiện có của Công ty đang trong tình trạng quá tải, không đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển và xử lý rác từ công tác duy tu, chăm sóc cây xanh. Một số công trình như Công viên Phần Mềm Quang Trung, Khu Công Nghệ Cao, Công viên Lịch sử Văn hóa – Dân tộc cũng cần xe ép rác.

Việc thiếu phương tiện chuyên dụng gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc và tiềm ẩn nguy cơ mất vệ sinh môi trường.

Nhóm xe bồn tưới:

Căn cứ khối lượng nước tưới bằng xe bồn trên địa bàn:

Hạng mục công việc	Đvt	Diện tích	Định mức (07	Khối lượng nước tưới cho	Ghi chú

			lít/m2)	01 lần (m3)	
Gói thầu Khu vực 1	m^2	116.553	7	815,88	
Gói thầu Khu vực 2	m^2	32.500	7	227,5	
Gói thầu Khu vực 4	m^2	14.699	7	102,89	
Các phường trên địa bàn quận Gò vấp (cũ)	m^2	14.699	7	102,89	
Công viên Phần mềm Quang Trung	m^2		7	20	
Khu Công Nghệ Cao	m^2	19.632	7	137,424	

Các xe 5m³ sắp hết niên hạn vì thế việc trang bị xe bồn dung tích từ 8m³ đến 14m³ là rất cấp bách.

Xe bồn 8m³ đến 14m³ sẽ giúp tăng năng suất tưới, giảm số chuyến vận hành, tiết kiệm chi phí nhiên liệu và nhân công. Đồng thời, đảm bảo khối lượng nước tưới đầy đủ, nâng cao chất lượng chăm sóc cây xanh, đáp ứng yêu cầu của các gói thầu công trình ngoài.

Vướng mắc về điểm lấy nước: Điểm lấy nước tại vị trí Công viên Nguyễn Tri Phương và An Dương Vương hiện tại ngưng không được lấy nước. Phương tiện vận tải xe bồn phải lấy nước tại Công viên Tao Đàn sẽ không đáp ứng được số lượng chuyến tưới tại tuyến đường Võ Văn Kiệt thuộc gói thầu Khu vực 1.

Khối lượng nước tưới lấy tại công viên Tao Đàn tưới tuyến Võ Văn Kiệt là:

- 25 chuyến đối với xe bồn 15m3 (công suất tối đa ước lượng: 350m3)

- 03 chuyến đối với xe bồn 8m3 (công suất tối đa ước lượng: 24m3)

- Khối lượng nước tưới chỉ đạt 67% yêu cầu so với khối lượng cần tưới là 42 chuyến xe bồn 14m3 và 7 chuyến xe bồn 8m3.

- Đồng thời cũng chưa đánh giá được khả năng cung ứng nước của giếng Tao Đàn, trong trường hợp có đủ xe thì cũng khó lấy đủ lượng nước trong ngày (do thời gian lấy nước lâu, dồn ứ xe, máy bơm hoạt động quá tải …)

Nhóm xe thang, cẩu:

+ Gói thầu Khu vực 1: 19.010 cây

Stt	Gói thầu	Đvt	CMT	Cây xanh Loại 1	Cây xanh Loại 2	Cây xanh Loại 3
1	Khu vực 1	cây	1.257	7.002	8.520	2.231
2	Khu vực 2	cây	2.041	8.042	13.268	2.915
3	Khu vực 4	cây	1.535	11.785	11.335	577

Đối với cây xanh phân loại 3 phân bố tập trung ở địa bàn Khu vực 1 và Khu vực 2, đặc biệt chủng loại Dầu rái và Sao đen chiếm số lượng lớn nhất. Những cây Dầu và

Sao loại 3 này phần lớn là cây cổ thụ, chiều cao cây phổ biến hiện nay trên 20-30m, trong đó có nhiều cây Dầu cao trên 50m.

Cụ thể, công ty hiện đang được giao nhiệm vụ quản lý, chăm sóc và duy tu hơn 4.000 cây xanh loại 3 cùng các cây cổ thụ (chủ yếu là các loài Sao, Dầu) với chiều cao từ 30m trở lên tại khu vực trung tâm thành phố. Bên cạnh đó, công ty còn phải thường xuyên thực hiện các công tác khẩn cấp như đốn hạ cây bị sâu bệnh, hạ thấp cao độ, cũng như xử lý sự cố cây xanh gãy đổ nhằm đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

Tổng số xe thang cẩu chỉ có 20 chiếc, chủ yếu gồm các loại xe 12m chưa đáp ứng được yêu cầu về chiều cao tiếp cận, khiến công tác duy tu cây xanh gặp nhiều hạn chế. Điều này đồng thời tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn lao động khi công nhân phải leo trèo thủ công trên những cây cao. Hiện trạng xe thang, cẩu đang vận hành cũng thường xuyên bị hư hỏng gây ảnh hưởng đến việc thi công, mặc dù việc sửa chữa xe hiện nay theo đánh giá là đáp ứng được yêu cầu cơ bản.

2.3. Đánh giá sự cần thiết phải bổ sung phương tiện

****Nhóm xe thang - cẩu***

Công ty hiện đang quản lý vận hành 18 xe nâng người làm việc trên cao gồm: 08 chiếc 12m; 01 chiếc 14m; 03 chiếc 18m; 01 chiếc 21m; 03 chiếc 24m; 01 chiếc 30m và 01 chiếc 40m Công ty đang thuê để sử dụng.

Công ty hiện đang được giao nhiệm vụ quản lý, duy tu và chăm sóc hơn 4.000 cây xanh loại 3 cùng các cây cổ thụ (chủ yếu là các loài Sao, Dầu) với chiều cao từ 30m trở lên tại khu vực trung tâm Thành phố. Bên cạnh đó, các đơn vị còn phải thường xuyên thực hiện các công tác khẩn cấp như đốn hạ cây bị sâu bệnh, hạ thấp cao độ, cũng như xử lý sự cố cây xanh gãy đổ nhằm đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

Hiện nay, Công ty chỉ sở hữu 01 xe nâng người làm việc trên cao 30 mét và đang thuê 01 xe nâng người làm việc trên cao 43 mét, còn lại chủ yếu gồm các loại xe 12m – 24m không thể đáp ứng nhu cầu sử dụng, khiến công tác duy tu cây xanh hiện nay gặp rất nhiều hạn chế, không hiệu quả. Nguyên nhân chính do tầm với không đủ nên công nhân phải leo trèo thủ công từ rổ nâng người lên ngọn và các cành nhánh tìm ẩn nguy cơ mất an toàn lao động, việc phải leo trèo mất rất nhiều thời gian và bào mòn sức lực của đội ngũ thợ leo nên sản lượng công việc thực hiện sau đó của mỗi ca làm việc không nhiều.

Chính vì vậy, ngoài việc thuê xe nâng người làm việc trên cao 43m thì việc trang bị bổ sung thêm **01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m** có thông số kỹ thuật tương tự như xe đang thuê là rất cấp thiết nhằm đảm bảo hiệu quả công việc cũng như an toàn tuyệt đối cho người lao động làm việc trên cao. Đồng thời, từng bước theo lộ trình thay thế dần 03 xe 12m hết niên hạn sử dụng trong năm 2028.

****Nhóm xe bồn tưới***

Công ty hiện đang quản lý vận hành 11 xe bồn tưới nước gồm: 04 chiếc 5m^3; 03 chiếc 8m^3; 02 chiếc 14m^3; 02 chiếc 15m^3 phục vụ công tác duy tu, chăm sóc hơn 105ha công viên, mảng xanh do Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM và các phường xã làm chủ đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn đang thực hiện

nhiều công trình dịch vụ ngoài có nhu cầu sử dụng xe bồn như Công viên Phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao, Công viên Lịch sử Văn hóa – Dân tộc.

Hiện nay, các chủ đầu tư đang kiểm soát rất gắt gao việc định biên phương tiện theo gói thầu phải đúng theo hồ sơ dự thầu. Công ty không được phép linh động, luân chuyển qua lại giữa các gói thầu khiến tình trạng thiếu hụt phương tiện ngày càng trầm trọng hơn.

Khối lượng công việc ngày càng lớn và áp lực vận hành phương tiện lưu thông trên đường ngoài các khung giờ cấm khiến số lượng xe bồn hiện có của Công ty thiếu hụt trầm trọng, không đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng, đặc biệt vào thời điểm mùa khô sắp tới.

Do đó, việc trang bị bổ sung thêm **02 xe bồn tưới ≥15m^3** giai đoạn cuối năm 2026 đầu năm 2027 là rất cấp thiết nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng và thay thế 06 xe hết niên hạn sử dụng trong năm 2028 sẽ giúp tăng năng suất tưới, giảm số chuyến vận hành, tiết kiệm chi phí nhiên liệu và nhân công.

Nhóm xe ép rác

Công ty hiện đang quản lý vận hành 08 xe ép rác chuyên dụng phục vụ công tác duy tu, chăm sóc hơn 105ha công viên, mảng xanh và 70 nghìn cây xanh các loại do Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM và các phường xã làm chủ đầu tư. Ngoài ra, Các công trình dịch vụ ngoài cũng có nhu cầu sử dụng xe ép rác để phục vụ công tác dọn dẹp vệ sinh hằng ngày.

Tương tự như nhóm xe bồn, hiện nay các chủ đầu tư đang kiểm soát rất gắt gao việc định biên phương tiện theo gói thầu phải đúng theo hồ sơ dự thầu. Công ty cũng không được phép linh động, luân chuyển qua lại giữa các gói thầu khiến tình trạng thiếu hụt phương tiện ngày càng trầm trọng hơn.

Khối lượng công việc rất lớn và áp lực vận hành phương tiện lưu thông trên đường ngoài các khung giờ cấm khiến số lượng xe ép rác hiện có của Công ty thiếu hụt trầm trọng, không đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc và tiềm ẩn nguy cơ mất vệ sinh môi trường.

Vì vậy, việc trang bị bổ sung **02 xe ép rác 24 tấn (18~20 m^3)** giai đoạn đầu năm 2027 là rất cấp thiết, nhằm nâng cao năng lực thu gom, vận chuyển rác thải, giảm số chuyến vận hành, tiết kiệm chi phí nhiên liệu và nhân công, đáp ứng yêu cầu công tác ngày càng cao như hiện nay của các chủ đầu tư.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN:

1. Mục tiêu:

Tăng cường năng lực hoạt động, đáp ứng như cầu sử dụng, khắc phục tình trạng thiếu hụt trầm trọng phương tiện chuyên dụng hoạt động như hiện nay, góp phần tăng sản lượng thực hiện hằng ngày để tăng doanh thu cho Công ty.

Giảm số chuyến vận hành, tiết kiệm chi phí nhiên liệu và nhân công định biên mỗi phương tiện góp phần tiết kiệm chi phí, tối ưu lợi nhuận.

Từng bước thực hiện lộ trình thay thế các phương tiện hết niên hạn sử dụng trong từ năm 2028.

Tăng năng suất lao động, giảm thiểu nguy cơ mất an toàn cho đội ngũ thợ leo.

Nâng cao hiệu quả kinh tế, dần thay thế các phương tiện sử dụng lâu năm có chi phí vận hành cao như tiêu hao nhiên liệu, chi phí sửa chữa lớn mỗi khi đăng kiểm.

Tăng năng lực về máy móc thiết bị phục vụ công tác đấu thầu cạnh tranh ngày càng gắt gao như hiện nay.

2. Nhiệm vụ:

Tổ chức thu thập các báo giá làm cơ sở lập dự toán đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong việc đầu mua sắm.

Tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo công khai minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

Tổ chức mua sắm các phương tiện cơ giới chuyên dùng đảm bảo các thông số kỹ thuật, công năng hoạt động phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế của Công ty.

3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của một số phương tiện hiện có trên thị trường:

3.1. Xe bồn tưới

Nội dung	Đơn vị	Thông số
Thương hiệu		**CHENGLONG WLW5310GSSLZ2**
Trọng lượng bản thân dự kiến	kG	12770
Tải trọng cho phép chở dự kiến	**kG**	**17.100 (17,1 m^3)**
Số người cho phép chở	Người	02
Trọng lượng toàn bộ dự kiến	kG	30000
Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao	mm	11840x2500x3170
Khoảng cách trục	mm	2100+4600+1350
Vết bánh xe trước/sau	mm	2080/1860
Số trục		04
Công thức bánh xe		8 x 4
Loại nhiên liệu		Diesel
Nhãn hiệu động cơ		YC6L350-50
Loại động cơ		6 xi-lanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước
Thể tích	cm^3	8424
Công suất lớn nhất/tốc độ quay		257 kW/ 2200 v/ph
Momen xoắn cực đại		-
Hộp số		10JSD140T Mười số tiến, hai số lùi
Loại lốp xe: Trước/Sau		11.00R20
Phanh trước/sau/dẫn động		Phanh chính: Tang trống, khí nén hai dòng

Phanh tay		Tang trống, khí nén + lò xo tích năng
Kiểu hệ thống lái/Dẫn động		Trục vít – ê cu bi trợ lực thủy lực
Cabin		Cabin kiểu lật
Máy phát		24V
Bộ phận chuyên dùng xi téc phun nước: Sản xuất tại Việt Nam, mới 100%.		
Thông số xi téc phun nước dạng elip		
Thân xi téc	Thép SS400 dày 4mm	
Chỏm xi téc và vách ngăn	Thép SS400 dày 4mm	
Chân xi téc	Thép SS400 dày 5mm	
Cốp hông	Thép SS400 dày 1,5mm	
Lan can	Thép SS400 dày 1,5mm	
Cụm cổ xi téc	Thép SS400	
Vách chắn sóng	Thép SS400 dày 3mm	
Đường ống xả	Thép SS400 – Ø60x3mm, có các van khóa	
Cầu thang	Thép SS400 – Ø27x2mm	
Vè, chắn bùn	Thép SS400 chấn hình	
Cản hông cản sau	Thép SS400	
Thiết bị chuyên dùng		
Bơm nước	Nhập khẩu đồng bộ từ Trung Quốc	
Dẫn động bơm	Thông qua bộ trích công suất	
Trang thiết bị đi kèm		
Thùng đồ nghề	Trang bị bên hông xe	
Đèn hông	Mỗi bên 05 cái màu vàng	
Chứng từ đi kèm		
Catalo, sổ bảo hành xe cơ sở, bảo hành		
Dung sai thiết kế: ± 5%		

3.2. Xe ép rác

3.2.1. Thông số kỹ thuật xe cơ sở

Stt	Nội dung		Thông số
1	Thông số chung	Nhãn hiệu	**ISUZU**
		Số loại	**FVZ FVZ60QE5A**
		Chất lượng	Mới 100%
		Năm đóng số VIN	Năm 2025
		Năm xuất xưởng	Sản xuất, lắp ráp hoàn thiện năm 2025
2	Kích thước xe	Kích thước tổng thể xe	8.930 x 2.500 x 3.830 (mm)
		Kích thước lọt lòng thùng	3.930/3.830x2.295/2.180x2.250/2.210 (mm)

		Chiều dài cơ sở	4.115 + 1.370 (mm)
3	*Trọng lượng*	*Khối lượng bản thân sau khi lắp thùng chở rác*	12.805 Kg
		Khối lượng hàng hóa	11,200 Kg
		Tổng tải trọng	**24.000 Kg**
4	Khả năng vượt dốc		24.35 (%)
5	Khoảng sáng gầm xe		280 (mm)
6	Tốc độ tối đa		75.7 (km/h)
7	Số chỗ ngồi		3 (người)
8	Động cơ	Kiểu	6NX1E5RC
		Loại	Diesel, tiêu chuẩn khí thải Euro 5, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp
		Dung tích xy lanh	7,790 (cc)
		PTO	Tiêu chuẩn
		Công suất cực đại	206 kw / 2,400 v/ph
		Momen xoắn cực đại	820 / 1,450 ~ 2,600 (N.m/vòng/phút)
9	Thùng nhiên liệu		200 lít
10	Hộp số		9 số tiến & 1 số lùi
11	Ly hợp		Ly hợp đĩa đơn ma sát khô.
12	Hệ thống phanh chính - sau		Tang trống, khí nén, 2 dòng
13	Hệ thống treo		Trục trước: Phụ thuộc, nhíp lá và giảm chấn thủy lực Trục sau: Phụ thuộc, nhíp lá
14	Hệ thống lái		Trục vít – ê cu bi. Cơ khí, trợ lực thủy lực
15	Cỡ lốp		11.00R20
16	Hệ thống điện	Bình điện	12V – 70 (Ah) x 02
		Máy phát điện	24V

3.2.2. Thông số kỹ thuật thùng ép rác chuyên dùng

Bộ phận chuyên dụng ép chở rác: Sản xuất tại Việt Nam, mới 100%.		
1	Thông số chung	
	Tổng thể tích chứa rác	~ 22 m^3
	Thể tích thùng chứa (m^3)	20 m^3
	Thùng chứa rác (thùng chính)	Thép chuyên dung loại Inox 430
	Hình dạng thùng	Kiểu có thành cong có bố trí 3 xương U chấn chịu lực mỗi vách và xương bao cạnh thùng bằng thép tấm chấn gấp ứng suất cao Perform 700 xuất xứ Đức, ứng suất kéo ≥ 700N/ mm^2 gấp định hình, dày 3-8 mm
	Vật liệu sàn thùng	Thép Inox 430 dày 4mm
	Vật liệu thành thùng	Thép Inox 430 dày 3mm
	Vật liệu nóc thùng	Thép Inox 430 dày 3 mm
	Vật liệu khung ray trượt cho bàn đẩy xả rác	Thép tấm Inox 430 gấp định hình, dày 6 mm
	Vật liệu khung xương	Thép tấm Inox 430 gấp định hình, dày 4-6 mm

2	Kết cấu thùng	
	Thùng cuốn ép rác (Thùng phụ)	
	Thể tích thùng cuốn ép	~ $2m^3$
	Vật liệu lòng thùng	Thép tấm Inox 430 dày 6 mm
	Vật liệu thành thùng	Thép tấm Inox 430 dày 3-5 mm
	Vật liệu khung xương	Thép tấm Inox 430 gấp định hình, dày 3-8 mm
	Vật liệu khung ray trượt cho cuốn ép	Thép tấm Inox 430 dày 5 mm
	Nắp đậy thủy lực ở đuôi dùng (để đảm bảo thẩm mỹ và tính vệ sinh khi xe di chuyển)	Vận hành bằng xylanh thủy lực
	Bộ lưỡi ép và bàn cuốn rác	
	Vật liệu lợp lưỡi cuốn rác	Thép tấm ứng suất cao Hardox450 xuất xứ Thụy Điển, giới hạn chảy ≥ 1250N/ mm^2 dày 4 - 6 mm
	Vật liệu lợp bàn ép rác	Thép tấm Inox 430 dày 3 - 4 mm
	Vật liệu khung xương lưỡi cuốn + ép	Thép tấm ứng suất cao Perform 700 xuất xứ Đức ứng suất kéo ≥ 700N/ mm^2 gấp định hình, dày 3 – 8 mm
	Thùng chứa nước thải dưới máng cuốn ép rác	
	Dung tích	200 lít
	Vật liệu	Inox 304, dày 2 mm
	Trang bị	Van xả nước, cửa dọn rác
	Cơ cấu nạp rác	
	Cơ cấu nạp rác	Nâng cặp
	Kiểu vận hành	Dùng xy-lanh thủy lực
	Tải trọng nâng rác tối đa	500 kg
	Cơ cấu cuốn ép rác	
	Kiểu vận hành	Dùng Xy-lanh thủy lực
	Cơ cấu xả rác	
	Cơ cấu xả rác	Sử dụng xy-lanh tầng xả rác bố trí trước thùng chứa rác, gắn trực tiếp với bàn đẩy xả rác bằng kết cấu cơ khí để đẩy xả rác ra ngoài
	Kiểu vận hành	Dùng xy-lanh tầng thủy lực
	Bơm thủy lực	
	Xuất xứ	Xuất xứ: ITALIA
	Lưu lượng	102,6 cc
	Áp suất làm việc lớn nhất	280 kg/cm^2
	Nguồn dẫn động bơm	Truyền động trực tiếp từ PTO thông qua trục các-đăng
3	Van phân phối điều khiển tay tích hợp	
	Van phân phối	
	Xuất xứ	Italia/ Thổ Nhĩ Kỳ
	Lưu lượng tối đa	130 lít/phút
	Áp suất tối đa	220 kg/cm^2

	Xy-lanh thủy lực xả rác	Linh kiện nhập khẩu, lắp ráp tại Việt Nam
	Loại xy-lanh	Loại xy-lanh nhiều tầng tác động 2 chiều
	Áp suất tối đa	180 kg/cm^2
	Số lượng	01
4	Các xy-lanh thủy lực khác	
	Loại xy-lanh	Loại xy-lanh 1 tầng tác động 2 chiều
	Áp suất làm việc tối đa	210 bar
	Xy-lanh ép rác	02 chiếc
	Xy-lanh cuốn rác	02 chiếc
	Xy-lanh nâng thùng phụ	02 chiếc
	Xy-lanh cụm nâng cặp	03 chiếc
	Thùng dầu thủy lực	140 lít
	Các thiết bị thủy lực phụ trợ khác	Lọc dầu, nắp dầu, thước báo dầu, jắc-co ...được lắp ráp đầy đủ, giúp xe hoạt động an toàn hiệu quả.
	Áp suất làm việc tối đa của hệ thống thủy lực	150 kg/cm2
5	Hệ thống điện trang bị và đèn cảnh báo	
	Đèn quay ưu tiên	Số lượng 01 cái, mới 100%
	Đèn chiếu sáng thùng rác	Mới 100%, công tác lắp tại vị trí điều khiển
	Đèn chiếu sáng vị trí công tác phía sau thùng ép rác	Số lượng 01 cái, mới 100%
	Hệ thống đèn tín hiệu khác	Theo tiêu chuẩn.
6	Trang bị an toàn	
	Bảo vệ hông	02 cản bảo vệ hông bằng sắt
	Vè chắn bùn	02 vè chắn bùn bằng tôn sắt
	Chỗ đứng và tay vịn	Bàn đạp và tay vịn 2 bên
7	Hệ thống làm kín và chứa nước thải	
	Làm kín thùng chứa rác	Lắp đặt so le xếp lớp, chắn góc hứng nước
	Thùng chứa nước thải	Trang bị thùng chứa nước thải phía dưới thùng ép. Có 01 van xả nước thải và 02 cửa thao tác nhanh để vệ sinh thùng chứa nước thải.
8	Logo - kiểu chữ	
	Trên cánh cửa cabin	Theo yêu cầu của bên mua
	Hai bên thùng xe	Theo yêu cầu của bên mua
9	Màu sơn	Xanh hoặc theo yêu cầu của khách hàng
10	Dung sai thiết kế	Dung sai thiết kế/chế tạo theo quy định của Bộ giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam

3.3. Xe nâng người làm việc trên cao

3.3.1. Thông số kỹ thuật xe cơ sở

Stt	Nội dung		Thông số
1	Thông số chung	Nhãn hiệu	ISUZU
		Số loại	FVZ FVZ60QE5A
		Chất lượng	Mới 100%
		Năm đóng số VIN	Năm 2026
		Năm xuất xưởng	Sản xuất, lắp ráp hoàn thiện năm 2026
2	Kích thước xe	Kích thước tổng thể xe	8.930 x 2.500 x 3.830 (mm)
		Chiều dài cơ sở	4.115 + 1.370 (mm)
3	*Trọng lượng*	Khối lượng bản thân sau khi lắp ráp phần chuyên dùng	15.000 Kg
		Tổng tải trọng	**15.195 Kg**
4	Khả năng vượt dốc		--- (%)
5	Khoảng sáng gầm xe		280 (mm)
6	Tốc độ tối đa		--- (km/h)
7	Số chỗ ngồi		03 (người)
8	Động cơ	Kiểu	6NX1E5RC
		Loại	Diesel, tiêu chuẩn khí thải Euro 5, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp
		Dung tích xy lanh	7,790 (cc)
		PTO	Tiêu chuẩn
		Công suất cực đại	206 kw / 2,400 v/ph
		Momen xoắn cực đại	820 / 1,450 ~ 2,600 (N.m/vòng/phút)
9	Thùng nhiên liệu		200 lít
10	Hộp số		9 số tiến & 1 số lùi
11	Ly hợp		Ly hợp đĩa đơn ma sát khô.
12	Hệ thống phanh chính - sau		Tang trống, khí nén, 2 dòng
13	Hệ thống treo		Trục trước: Phụ thuộc, nhíp lá và giảm chấn thủy lực Trục sau: Phụ thuộc, nhíp lá
14	Hệ thống lái		Trục vít – ê cu bi. Cơ khí, trợ lực thủy lực
15	Cỡ lốp		11.00R20
16	Hệ thống điện	Bình điện	12V – 70 (Ah) x 02
		Máy phát điện	24V

3.3.2. Thông số kỹ thuật thang nâng người làm việc trên cao

Thang nâng người làm việc trên cao nhãn hiệu HANSIN, model HS450A được nhập khẩu từ Hàn Quốc, mới 100% có các thông số sau		
1	Thông số tầm hoạt động	
	Chiều cao làm việc tối đa:	45m

	Chiều cao đến sàn giỏ làm việc:	**43,5m**
	Bán kính làm việc ngang tối đa:	26m
	Sức nâng của giỏ làm việc (giỏ):	2 người hoặc 400 kg
2	Hệ thống cần nâng (Boom) và Giỏ làm việc	
	Cần nâng:	Cần ống lồng 7 đoạn, cơ cấu mở rộng đồng thời
	Vật liệu chế tạo cần:	Thép kết cấu cường độ cao DOMEX700, DOMEX960
	Giỏ làm việc:	Dạng nhôm, khả năng cách điện 1000V
	Trang bị giỏ:	4 tai treo cố định dây đai an toàn (chịu tải trọng tĩnh 16 kN theo mỗi hướng), ổ cắm điện 220V, nút tín hiệu dừng khẩn cấp/cảnh báo bổ sung
	Hệ thống cân bằng giỏ:	Xy-lanh thủy lực cân bằng trang bị van mặt bích chống lún/quá tải, kết nối bằng ống thép hàn
3	Hệ thống chân chống và Cơ cấu quay:	
	Chân chống	
	Chân chống:	Chân trước dạng X, chân sau dạng I (Hình chữ XI), điều khiển bằng thủy lực.
	Vật liệu chân chống:	Thép kết cấu cường độ cao Atos80
	Chiều rộng chân chống:	Phía trước 6.700 mm, phía sau 6.200 mm
	Cơ cấu quay	Mô-tơ thủy lực (hộp số tay – hộp giảm tốc kép), góc quay trái/phải 360° liên tục
4	Hệ thống điều khiển & Thùng xe:	
	Điều khiển chân chống:	Cần gạt hai bên phía dưới mặt đất
	Điều khiển cần nâng:	Bao gồm 02 phương thức (1. Điều khiển bằng tay qua joystick trong cabin; 2. Điều khiển từ xa)
	Sàn xe	Lót tấm nhôm gân chống trượt
	Chiếu sáng & Nhãn mác:	Đèn chiếu sáng LED tại đầu cần; bộ nhãn dán
5	Hệ thống an toàn tích hợp:	
	Hệ thống an toàn	- Thiết bị cảm biến tải trọng (Load cell) - Thiết bị điện tử định hướng sàn giỏ nằm ngang tự động - Hệ thống mở rộng cần bằng cáp thép và xích đôi an toàn - Khóa chống va chạm cabin và khóa điều khiển đồng thời từ 2 vị trí - Cảm biến tiệm cận 4 chân chống & Khóa hoạt động khi chân chống chưa mở rộng - Giới hạn tầm với ngang khi chân chống hẹp & Tự động phân biệt khu vực làm việc (180°) - Van hạ khẩn cấp bằng bơm điện - Cảm biến nghiêng, cảm biến gió, đồng hồ đếm giờ vận hành và các nút STOP khẩn cấp

6	Hệ thống thủy lực & Điều kiện vận hành:	
	Lọc	Lọc hệ thống thủy lực, Tích hợp bộ chỉ báo nhiễm bẩn
	Điều kiện môi trường làm việc:	Từ -40°C đến +40°C (sử dụng dầu thủy lực mùa đông chuyên dụng)
	Tốc độ gió cho phép hoạt động tối đa:	10 m/s
7	Logo-kiểu chữ	
	Trên cánh cửa cabin	Theo yêu cầu của bên mua
	Hai bên thùng xe	Theo yêu cầu của bên mua
8	Màu sơn	Xanh hoặc theo yêu cầu của khách hàng
9	Dung sai thiết kế	Dung sai thiết kế/chế tạo theo quy định của Bộ giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam

V. PHÂN KỲ THỰC HIỆN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ TỪNG GIAI ĐOẠN:

1. Phân kỳ thực hiện:

Do kinh phí đầu tư lớn nên Công ty đề xuất chia thành 03 giai đoạn đầu tư để phù hợp với tình hình tài chính của Công ty, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1 (Quý IV/2026 – Quý I/2027): Đầu tư mua sắm 02 xe bồn tưới ≥ 15m3.

- Giai đoạn 2 (Quý I/2027 – Quý II/2027): Đầu tư mua sắm 02 xe ép rác 24 tấn.

- Giai đoạn 3 (Quý II - III/2027): Đầu tư mua sắm 01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m.

2. Tổng mức đầu tư dự kiến: 17.598.284.760 đồng *(bằng chữ: Mười bảy tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng). Trong đó:*

2.1. Giai đoạn 1 *(02 xe bồn tưới ≥ 15m3)*

Stt	Khoảng mục chi phí	Ký hiệu/ cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT (8%)	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí mua thiết bị**	**GTB**	***3.425.925.926***	***274.074.074***	***3.717.154.000***
1.1	*02 xe bồn tưới ≥ 15m3*	*(Báo giá thấp nhất trong 03 báo giá)*	*3.425.925.926*	*274.074.074*	*3.700.000.000*
1.2	*Lệ phí:*				*17.154.000*
	Thuế trước bạ (hiện tại được miễn theo quy định)				*0*
	Phí sử dụng đường bộ (12 tháng)				*12.480.000*
	Bảo hiểm TNDS bắt buộc (12 tháng)				*4.254.000*
	Lệ phí đăng ký biển số xe				*350.000*
	Lệ phí đăng kiểm xe				*70.000*

2	**Chi phí tư vấn**	**G_{TV}**	*(Công ty tự tổ chức thực hiện)*	**0**
4	**Chi phí dự phòng**	**G_{DP}** ***=[(G_TB +G_TV) x 2%)]***		**74.343.080**
	TỔNG CỘNG: (1+2+3)	$G_{TB} + G_{TV} + G_{DP}$		**3.791.497.080**

2.2. Giai đoạn 2 (02 xe ép rác 24 tấn)

Stt	Khoảng mục chi phí	Ký hiệu/ cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT (8%)	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí mua thiết bị**	**G_{TB}**	**5.833.333.333**	**466.666.667**	**6.300.000.000**
	02 xe ép rác 24 tấn (18~20 m³)	*(Báo giá thấp nhất trong 03 báo giá)*	*5.833.333.333*	*466.666.667*	6.300.000.000
2	**Chi phí tư vấn**	**G_{TV}** ***= (G_TV1 + G_TV2 + G_TV3 + G_TV4)***			**37.800.000**
2.1	*Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu*	*G_{TV1} =(G_TB x 0,2%)*			12.600.000
2.2	*Chi phí tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu*	*G_{TV2} =(G_TB x 0,2%)*			12.600.000
2.3	*Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu*	*G_{TV3} =(G_TB x 0,1%)*			6.300.000
2.4	*Chi phí tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu*	*G_{TV4} =(G_TB x 0,1%)*			6.300.000
3	**Chi phí dự phòng**	**G_{DP}** ***=[(G_TB+G_TV) x 2%)]***			**126.756.000**
	TỔNG CỘNG: (1+2+3)	$G_{TB} + G_{TV} + G_{DP}$			**6.464.556.000**

2.3. Giai đoạn 3 (01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m)

Stt	Khoảng mục chi phí	Ký hiệu/ cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT (8%)	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí mua thiết bị**	**G_{TB}**	**6.625.000.000**	**530.000.000**	**7.155.000.000**
	01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m	*(Báo giá thấp nhất trong 03 báo giá)*	*6.625.000.000*	*530.000.000*	7.155.000.000
2	**Chi phí tư vấn**	**G_{TV}** ***= (G_TV1 + G_TV2 + G_TV3 + G_TV4)***			**42.930.000**
2.1	*Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu*	*G_{TV1} =(G_TB x 0,2%)*			14.310.000
2.2	*Chi phí tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu*	*G_{TV2} =(G_TB x 0,2%)*			14.310.000
2.3	*Chi phí tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu*	*G_{TV3} =(G_TB x 0,1%)*			7.155.000
2.4	*Chi phí tư vấn thẩm định kết quả*	*G_{TV4} =(G_TB x 0,1%)*			7.155.000

	lựa chọn nhà thầu			
3	**Chi phí dự phòng**	**G_{DP} =[(G_{TB}+G_{TV})x2%)]**		**143.958.600**
	TỔNG CỘNG: (1+2+3)	$G_{TB} + G_{TV} + G_{DP}$		**7.341.888.600**

3. Cơ sở lập dự dự toán

- Về Chi phí mua thiết bị: Các Phòng nghiệp vụ Công ty thực hiện khảo sát, lựa chọn báo giá các doanh nghiệp chuyên cung cấp phương tiện chuyên ngành cây xanh, môi trường có uy tín, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Công ty. Các báo giá được khảo sát, lựa chọn có phương án giá tốt nhất, phù hợp với giá thị trường hiện nay, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong việc đầu tư, mua sắm các phương tiện.

- Giá thiết bị đã bao gồm tất cả các loại thuế phí như: Chi phí bảo hiểm dân sự, lệ phí trước bạ, phí bảo trì đường bộ, lệ phí đăng kiểm, lệ phí đăng ký xe, chi phí kiểm định cần trục và các chi phí phát sinh khác.

- Về Chi phí tư vấn (giai đoạn 2 và giai đoạn 3): Công ty áp dụng quy định tại Điều 14 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

"4. Chi phí lập, thẩm định hồ sơ:

a) Chi phí lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng;

b) Chi phí thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,06% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng;

c) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,2% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng;

d) Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

5. Chi phí đánh giá hồ sơ:

a) Chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng;

b) Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất được tính bằng 0,2% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng.

6. Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu kể cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng và tối đa là 60.000.000 đồng."

- Về Chi phí dự phòng: Công ty áp dụng 02% tương đương phần chênh lệch thuế giá trị gia tăng tại thời điểm lập dự toán (08%) so với thời điểm Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 hết hiệu lực (10%). Trong trường hợp Trung ương không tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng Công ty sẽ sử dụng dự phòng phí để bù phát sinh tăng thuế suất.

VI. PHƯƠNG ÁN THU HỒI VỐN:

- Nguồn thu khấu hao phương tiện được trính từ chi phí ca máy của các gói thầu Công ty thực hiện hàng năm.

- Mức trích khấu hao hằng năm = [(Nguyên giá) ÷ (thời gian trích khấu hao)]

Trong đó, thời gian trích khấu hao:

+ Xe bồn tưới nước: 06 năm.

+ Xe ép rác: 08 năm.

+ Xe nâng người làm việc trên cao: 08 năm.

- Thời gian thu hồi vốn: tương đương thời gian trích khấu hao.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Kết luận:

Việc đầu tư mua sắm các phương tiện cơ giới chuyên dùng là rất cấp thiết nhằm:

- Tăng cường năng lực hoạt động, đáp ứng nhu cầu sử dụng, khắc phục tình trạng thiếu hụt trầm trọng phương tiện chuyên dụng hoạt động như hiện nay, góp phần tăng sản lượng thực hiện hằng ngày để tăng doanh thu cho Công ty.

- Giảm số chuyến vận hành, tiết kiệm chi phí nhiên liệu và nhân công định biên mỗi phương tiện góp phần tiết kiệm chi phí, tối ưu lợi nhuận.

- Từng bước thực hiện lộ trình thay thế các phương tiện hết niên hạn sử dụng từ năm 2028.

- Tăng năng suất lao động, giảm thiểu nguy cơ mất an toàn cho đội ngũ thợ leo.

- Nâng cao hiệu quả kinh tế, dần thay thế các phương tiện sử dụng lâu năm có chi phí vận hành cao như tiêu hao nhiên liệu, chi phí sửa chữa lớn mỗi khi đăng kiểm.

- Tăng năng lực về máy móc thiết bị phục vụ công tác đấu thầu cạnh tranh ngày càng gắt gao như hiện nay.

- Đảm bảo cơ sở vật chất hoàn thành mọi nhiệm vụ được Thành phố giao.

2. Kiến nghị:

Việc đầu tư mua sắm phương tiện cơ giới chuyên dụng năm 2026 -2027 được chia thành 03 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (Quý IV/2026 – Quý I/2027): 02 xe bồn tưới ≥ 15m3.

- Giai đoạn 2 (Quý I/2027 – Quý II/2027): 02 xe ép rác 24 tấn.

- Giai đoạn 3 (Quý II - III/2027): 01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m.

PHẦN B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. GIAI ĐOẠN 1 *(đầu tư mua sắm 02 xe bồn tưới ≥ 15m3)*

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1.1. Các phần công việc đã thực hiện:

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Tư vấn lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật	Công ty tự thực hiện	0	Không có

1.2. Phần các công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu:

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	Công ty tự thực hiện	0	Không có

1.3. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng phương thức LCNT:

Stt	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực gói thầu	Tùy chọn mua thêm
	Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*								
1	Hàng hóa – 02 xe bồn tưới ≥ 15m3	Cung cấp 02 xe bồn tưới ≥ 15m3	**3.717.154.000**	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Chào hàng cạnh tranh (theo Quy chế LCNT của Công ty)	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Tháng 11/2026	Trọn gói	60 ngày	Không

2. Thời gian thực hiện:

- Tháng 10 - 11/2026: Trình, phê duyệt chủ trương đầu tư , phê duyệt BCKTKT.

- Tháng 11/2026: Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng.

- Tháng 01/2027: Thực hiện các thủ tục đăng ký phương tiện, tiếp nhận bàn giao, nghiệm thu phương tiện đưa vào sử dụng.

II. GIAI ĐOẠN 2 *(đầu tư mua sắm 02 xe ép rác 24 tấn)*

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1.1. Các phần công việc đã thực hiện:

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Tư vấn lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật	Công ty tự thực hiện	0	Không có

1.2. Phần các công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu:

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Giá trị hợp đồng dự kiến	Nguồn vốn	Thời gian ký hợp đồng	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	**25.200.000**	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Quý I/2027	Trọn gói	45 ngày
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	**6.300.000**	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Quý I/2027	Trọn gói	45 ngày

1.3. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng phương thức LCNT:

Stt	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực gói thầu	Tùy chọn mua thêm
	Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*								
1	Hàng hóa – 02 xe ép rác 24 tấn	Cung cấp 02 xe ép rác 24 tấn	**6.300.000.000**	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý I - II/2027	Trọn gói	60 ngày	Không

2. Thời gian thực hiện:

- Quý IV/2026: Trình, phê duyệt chủ trương đầu tư , phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Quý I /2027: Lựa chọn đơn vị tư vấn đấu thầu.

- Quý I - II/2027: Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng hàng hoá.

- Quý II/2027: Thực hiện các thủ tục đăng ký phương tiện, tiếp nhận bàn giao, nghiệm thu phương tiện đưa vào sử dụng.

II. GIAI ĐOẠN 3 *(đầu tư mua sắm 01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m)*

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

1.1. Các phần công việc đã thực hiện:

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt
1	Tư vấn lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật	Công ty tự thực hiện	0	Không có

1.2. Phần các công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu:

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Giá trị hợp đồng dự kiến	Nguồn vốn	Thời gian ký hợp đồng	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng

1	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	**28.620.000**	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Quý I - II/2027	Trọn gói	45 ngày
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	**14.310.000**	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Quý I - II/2027	Trọn gói	45 ngày

1.3. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng phương thức LCNT:

Stt	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực gói thầu	Tùy chọn mua thêm
	Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*								
1	Hàng hóa – 01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m	Cung cấp 01 xe nâng người làm việc trên cao ≥ 43m	**7.155.000.000**	Sản xuất kinh doanh của Công ty	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý II/2027	Trọn gói	150 ngày	Không

2. Thời gian thực hiện:

- Quý IV/2026: Trình, phê duyệt chủ trương đầu tư , phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Quý I - II/2027: Lựa chọn đơn vị tư vấn đấu thầu.
- Quý II - III/2027: Tổ chức lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng hàng hoá.
- Quý III/2027: Thực hiện các thủ tục đăng ký phương tiện, tiếp nhận bàn giao, nghiệm thu phương tiện đưa vào sử dụng./.

DUYỆT **GIÁM ĐỐC CÔNG TY**	**LẬP** **PHÒNG KINH DOANH**
Lê Thành Khoa	**Đào Duy Đạt**